

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ
"TRƯỜNG MẦM NON – TẾT TRUNG THU "
(Số tuần: 4 tuần. Từ ngày 15 tháng 9 đến ngày 10 tháng 10 năm 2025)

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Hoạt động giáo dục	Điều chỉnh bổ sung
T T	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
a) Phát triển vận động				
2	Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	- Hô hấp: Hít vào thở ra - Tay: + Đưa 2 tay lên cao ra phía trước - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau - Chân: + Nhún chân	* Hoạt động học: TD tập bài tập PT chung - Tay: Đưa 2 tay lên cao ra phía trước - Lưng: Cúi về phía trước, ngửa người ra sau - Chân: Nhún chân * Hoạt động chơi: thể dục sáng	
3	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi bằng gót chân	- Đi bằng gót chân	* Hoạt động học: TD - <i>Đi bằng gót chân</i> +TCVĐ: Chó sói xấu tính	
5	Trẻ biết phối hợp tay-mắt trong vận động: tung bóng lên cao và bắt bóng	- Tung bóng lên cao và bắt bóng	* Hoạt động học: TD - <i>Tung bóng lên cao và bắt bóng</i> +TCVĐ: Mèo và chim sẻ * Hoạt động chơi: - Chơi ngoài trời: Chơi với bóng	
6	Trẻ thể hiện được sự nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Bò trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) , Bật liên tục về phía trước không chệch ra ngoài.	- Bò bằng bàn tay bàn chân 3 - 4 m - Bật liên tục về phía trước	* Hoạt động học : TD - <i>Bò bằng bàn tay bàn chân 3 - 4 m</i> + TCVĐ: Đuổi bóng - <i>Bật liên tục về phía trước</i> + TCVĐ: Chuyển bóng + TCM: Cắm cờ	
7	Trẻ thực hiện được các vận động: Cuộn - xoay tròn cổ tay. Gập mở các ngón tay	- Cuộn - xoay tròn cổ tay, - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay,	* Hoạt động chơi: - Chơi trò chơi thể dục sáng: Con muỗi, gieo hạt, con thỏ	

		ngón tay, găng, nôi....		
8	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	* Hoạt động lao động: - Trẻ lao động tự phục vụ - Trẻ biết tự cài cởi cúc áo, thay quần áo khi trời nóng, lạnh	

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

12	Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: Trẻ biết tự rửa tay bằng xà phòng.	Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng.	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân: Dạy trẻ tập rửa tay bằng xà phòng, rửa đúng thao tác; Tiết kiệm nước, trước và sau khi ăn, khi đi vệ sinh.	
14	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Trẻ biết mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ.	Tập luyện một số thói quen tốt: mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ.	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân: - Giờ ăn cô nhắc trẻ mời cô, bạn khi ăn, ăn từ tốn, nhai kỹ	
18	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng; - Không cười đùa trong khi ăn - Không tự ý đi ra khỏi trường, không đi theo người lạ	* Hoạt động chơi: - Giờ trả trẻ: Trò chuyện với trẻ một số trường hợp cần tránh: không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo, không đi theo người lạ * Hoạt động ăn - Giờ ăn : cô nhắc trẻ không cười đùa trong khi ăn,	

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

a) Khám phá khoa học

20	Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao quả bóng	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi	* Hoạt động học: KPKH - Khám phá đồ dùng đồ chơi của bé (5E) * Hoạt động chơi: - Trẻ chơi ở các góc + XD: Xếp lớp học, hàng rào, xây bồn hoa, đường đi + PV: Cô giáo, bán hàng, nấu ăn	
----	--	--	---	--

	hình tròn? ...		+ HT: Phân biệt đồ dùng đồ chơi của lớp, xem tranh sách về đồ dùng đồ chơi của lớp	
25	Trẻ có thể nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Đề quả bóng xuống đất và lăn thì nó sẽ lăn xa”	Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.		
26	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu	Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu		

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

29	Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...		* Hoạt động học: LQVT + <i>Củng cố số lượng trong PV 2, nhận biết số 1, 2. Nhận biết số thứ tự trong phạm vi 2.</i> + <i>LQVT: Tách gộp trong phạm vi 2</i> * Hoạt động chơi: - Trẻ chơi ở góc chơi + Góc TV: Phân biệt đồ dùng đồ chơi của lớp... Đếm nhận biết số thứ tự trong phạm vi 2, đếm theo khả năng, xếp tương ứng 1-1 các đồ dùng đồ chơi của lớp - TCM: Ghép đôi	
30	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 2.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 1,2 và đếm theo khả năng.		
31	Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 2 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	-Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi		
32	Trẻ có thể sử dụng các số từ 1-2 để chỉ số lượng, số thứ tự.	Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 1,2.		
33	Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 2, đếm và nói kết quả.	Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.		
34	Trẻ biết tách một nhóm 2 đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	Tách một nhóm 2 đối tượng		

c) Khám phá xã hội				
45	Trẻ nói được tên và địa chỉ (thuộc bản, xã, huyện, tỉnh), của trường, lớp (thuộc bản, xã) khi được hỏi, trò chuyện	Tên địa chỉ của trường (thuộc bản, xã, huyện, tỉnh), lớp (thuộc bản, xã) tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường	* Hoạt động học: KPXH - <i>Trường mầm non của bé (Tên, địa chỉ của trường. Tên, công việc của cô giáo và các cô bác ở trường)</i> * Hoạt động chơi: - Giờ đón, trả trẻ cô trò chuyện với trẻ về họ tên của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường. - TCM: Tìm bạn giống mình	
46	Trẻ nói được tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.		
47	Trẻ nói được tên của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Họ tên của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.		
49	Trẻ có thể kể được tên và nói được đặc điểm của một số ngày lễ hội.	Đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội, sự kiện: ngày Khai giảng năm học mới 5/9, tết trung thu	* Hoạt động học: KPXH - <i>Ngày tết trung thu</i> + Cho trẻ tham gia hoạt động trải nghiệm ngày khai giảng, tết trung thu * Hoạt động chơi: - Giờ đón trả trẻ: trò chuyện tết trung thu + Trẻ dự lễ khai giảng khai giảng năm học mới xem video về ngày khai giảng -TCM: Truyền tin	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				
52	Trẻ hiểu được nghĩa từ khái quát: Trường mầm non, lớp mẫu giáo, cô giáo đồ dùng, đồ chơi	Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, hành động, quen thuộc. - Bài thơ: Nghe lời cô giáo, Em luôn nhẹ nhàng, Cô và cháu, Trăng sáng - Nghe các bài hát: Em yêu trường em, cô giáo, ngày vui của bé, rước đèn dưới trăng - Đồng dao: Dung dăng dung dẻ	* Hoạt động học: VH - <i>Thơ: Nghe lời cô giáo, Em luôn nhẹ nhàng, Trăng sáng, Cô và cháu</i> - Âm nhạc: Nghe hát: Em yêu trường em, cô giáo, ngày vui của bé, rước đèn dưới trăng * Hoạt động học: - Trẻ nghe hiểu và trả lời được các câu hỏi của cô * Hoạt động chơi:	

			- Chơi buổi chiều: Đọc đồng dao: Dung dăng dung dẻ	
53	Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Trả lời và đặt các câu hỏi: „ai?“, „Cái gì?“, „Ở đâu?“, „Khi nào?“, „Để làm gì?“ - Trả lời và đặt các câu hỏi: „ai?“, „Cái gì?“, „Ở đâu?“, „Khi nào?“, „Để làm gì?“ Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng: Nhường em, phần hơn, tay trở	* Hoạt động học: VH - <i>Thơ: Nghe lời cô giáo</i> + TCTV: Nhường em, phần hơn - <i>Thơ: Cô và cháu</i> + TCTV: tay trở - KPKH: <i>Trường mầm non của bé (Tên, địa chỉ của trường. Tên, công việc của cô giáo và các cô bác ở trường); Trò chuyện về lớp học của bé</i> * Hoạt động chơi: - Giờ đón, trả trẻ: Trò chuyện về ngày khai giảng	
58	Trẻ biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ: Nghe lời cô giáo, Em luôn nhẹ nhàng, Trắng sáng, Cô và cháu - Ca dao: Đồng dao: Dung dăng dung dẻ Ca dao	* Hoạt động học: VH + <i>Thơ: Nghe lời cô giáo, Em luôn nhẹ nhàng, Trắng sáng, Cô và cháu</i> + Ca dao, Đồng dao: Dung dăng dung dẻ, - TCDG: Dung dăng dung dẻ	
61	Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân: - Giờ ăn: Trẻ biết sử dụng các từ như: "mời cô", "mời bạn", "cảm ơn", "xin lỗi" thông qua các hoạt động: * Hoạt động chơi: - Trẻ biết sử dụng các từ “ cảm ơn”, “ xin lỗi” thông qua hoạt động chơi	
66	Trẻ biết nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh	Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống :nhà vệ sinh	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân: khi cho trẻ đi vệ sinh cô trò chuyện với trẻ về ký hiệu của nhà vệ sinh, đi vệ sinh đúng nơi quy định	
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội				

70	Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	Sở thích (Thích, không thích), khả năng của bản thân	* Hoạt động chơi: - Hoạt động chơi ở góc: Trẻ tự chọn góc chơi theo ý thích và khả năng chơi của trẻ	
77	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp: sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn	Một số quy định ở lớp, để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân: Một số quy định ở lớp (để đồ dùng đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn khi ngủ). Nhắc trẻ ngủ không nói chuyện, làm ồn. * Hoạt động lao động: trẻ biết cất đồ dùng đồ chơi đúng nơi quy định	
78	Trẻ biết chào hỏi lễ phép.	Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.	* Hoạt động chơi: - Giờ đón, trả trẻ: dạy trẻ biết chào cô, bố mẹ và các bạn khi đến lớp và ra về	
85	Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay	Tiết kiệm nước.	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân: Dạy trẻ sử dụng nước tiết kiệm khi rửa tay, khi đi vệ sinh	

5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ

88	Trẻ chú ý nghe, tỏ ra thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát	- Nghe các bài hát: Em yêu trường em, cô giáo, ngày vui của bé, rước đèn dưới trăng	* Hoạt động học: ÂN - NH: <i>Em yêu trường em, ngày vui của bé, rước đèn dưới trăng, cô giáo</i>	
89	Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca của bài hát: Vui đến trường, thật đáng yêu, nắng sớm, đêm trung thu và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, điệu bộ	- Hát đúng giai điệu, lời ca và của bài hát: Vui đến trường, thật đáng yêu, nắng sớm, đêm trung thu	* Hoạt động học: ÂN - Hát: <i>Vui đến trường, thật đáng yêu, nắng sớm, đêm trung thu</i> - TCÂN: <i>Tai ai tinh, ai nhanh nhất, ai đoán giỏi</i>	
90	Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu bài hát: Nắng sớm, đêm	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát: Vui đến	* Hoạt động học: ÂN - Vận động theo nhạc: <i>đêm trung thu, Vui đến trường</i>	

	trung thu với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, múa)	trường, thật đáng yêu, nắng sớm, Ngày đầu tiên đi học, cô giáo, ngày vui của bé	* Hoạt động chơi: - Chơi ở góc NT: Hát, vận động các bài hát trong chủ đề	
92	Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	Sử dụng các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét: Vẽ lớp học, đường đến trường, đồ chơi ở lớp	* Hoạt động học: TH - <i>Vẽ đường đến trường</i> - <i>Làm đồ chơi của bé (EDP)</i> - <i>Làm đèn lồng (EDP)</i> * Hoạt động chơi: chơi ở góc: - Góc NT: Vẽ lớp học, đường đến trường, đồ chơi ở lớp	
94	Trẻ biết làm lốm, dỗ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết..	- Sử dụng các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét. + Nặn bánh trung thu	* Hoạt động chơi: chơi ở góc: - Góc NT: Nặn bánh trung thu, đồ chơi	

Tổng số mục tiêu : 36

KÝ DUYỆT

Trần Thị Vui